HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2022/NQ-HĐND	*Bạc Liêu, ngày 30 tháng 9 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua dự thảo nghị quyết "quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu"; báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, với nội dung cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu *(sau đây gọi tắt là Chương trình)*; là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách Nhà nước của Chương trình cho các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình *(sau đây gọi chung là Sở, Ngành và địa phương)*.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách Nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025.

3. Nguyên tắc phân bổ vốn:

a) Tuân thủ theo các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách Nhà nước; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

b) Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh nhằm hoàn thành các mục tiêu đề ra; bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn, không thay đổi tổng mức vốn đầu tư và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo không trùng lắp đối tượng đầu tư với các chương trình mục tiêu quốc gia khác.

c) Ưu tiên bố trí vốn thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn trước, nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện đã được tích hợp tại nội dung Chương trình; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, ấp khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo và các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở thiết yếu; phân bổ vốn đầu tư Chương trình tập trung, không phân tán, dàn trải, đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư.

d) Trên cơ sở ngân sách Trung ương phân bổ vốn kế hoạch hàng năm, tỉnh phân bổ cho các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh và địa phương thực hiện Chương trình

theo kết quả giải ngân của năm trước năm kế hoạch. Thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh và chính quyền cấp huyện, cấp xã. Ưu tiên phân bổ cho các địa phương, các dự án, tiểu dự án, nội dung của Chương trình bảo đảm tiến độ giải ngân.

e) Đảm bảo tính công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách Nhà nước trung hạn và hàng năm:

a) Tổng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trung hạn và hàng năm để thực hiện Chương trình phân bổ cho các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh và địa phương theo quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn về nội dung này.

b) Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh và địa phương tham gia thực hiện Chương trình căn cứ kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước được giao xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, đề xuất phương án sử dụng nguồn vốn thực hiện Chương trình cả giai đoạn và hàng năm gửi Ban Dân tộc và Tôn giáo tỉnh để tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

c) Nguồn vốn phân bổ hàng năm của Chương trình phải phù hợp với kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền thông qua và khả năng cân đối ngân sách hằng năm; ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành các chương trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước sang năm sau; ưu tiên các địa phương giải ngân nhanh để tạo điều kiện sớm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình.

5. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương:

Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định là tổng số vốn ngân sách Nhà nước *(vốn đầu tư và vốn sự nghiệp)* phân bổ cho các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố *(sau đây gọi tắt là đơn vị)* thực hiện Chương trình được quy định chi tiết theo 07 phụ lục ban hành kèm theo nghị quyết này.

Tổng số vốn phân bổ cho đơn vị thứ k (T_k) được tổng hợp từ nguồn vốn phân bổ của các dự án, tiểu dự án thành phần thứ i ($V_{k,i}$) của đơn vị đó:

$$T_K = \sum_{i=1}^{n} V_{k,i}$$

Trong đó:

- i là dự án, tiểu dự án thứ i. ($I = \overline{1,n}$)

- k: là đơn vị thứ k. ($k = \overline{1,16}$)

Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của đơn vị (k) theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần (i):

$$V_{k,i} = Q_i \, X_{k,i}$$

Trong đó:

- $V_{k,i}$: Vốn phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i cho đơn vị thứ k.

- $X_{k,i}$: Số điểm dự án, tiểu dự án thứ i của đơn vị thứ k.

- Q_i: Vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i:

$$Q_i = \frac{G_i}{\sum_{k=1}^{n} X_{k,i}}$$

G_i: Vốn ngân sách Trung ương để phân bổ dự án, tiểu dự án thứ i.

(Chi tiết theo 07 phụ lục đính kèm)

6. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình:

Tổng vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 phải bảo đảm tối thiểu bằng 15% tổng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu Khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận:
- UBTVQH (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Các Bộ: KH và ĐT, TC (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH và ĐT, TC, TP;
- Ban Dân tộc và Tôn giáo tỉnh;
- Trung tâm CB - TH tỉnh;
- Lưu (NH).

CHỦ TỊCH

Lữ Văn Hùng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

DỰ ÁN 1: GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT

(Kèm theo Nghị quyết số 09 /2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Phân bổ vốn đầu tư

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn thực hiện Dự án cho các địa phương:

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	0,4 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	0,4 x b
3	Cứ 1 công trình nước sinh hoạt tập trung	30	c	30 x c
	Tổng cộng (1 + 2 + 3)			$X_{k,i}$

Số lượng (a, b, c) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp theo báo cáo đề xuất nhu cầu vốn thực hiện Chương trình của tỉnh.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn thực hiện Dự án cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	0,1 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	0,03 x b
	Tổng cộng (1 + 2)			$X_{k,i}$

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu cần hồ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp theo báo cáo đề xuất nhu cầu vốn thực hiện Chương trình của tỉnh.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

DỰ ÁN 3: PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG, PHÁT HUY TIỀM NĂNG, THẾ MẠNH CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn thực hiện tiểu dự án cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ	0,004	a	0,004 x a
	Tổng cộng điểm			X_{ki}

Số lượng (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được tổng hợp theo báo cáo đề xuất nhu cầu vốn thực hiện Chương trình của tỉnh *(số liệu báo cáo tổng hợp thực tế của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH